

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ DĨ AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2022/DS-ST  
Ngày: 28 - 9 - 2022  
V/v Tranh chấp về thừa kế tài  
sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Hải Nam

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Ngọc;

2. Bà Phạm Tú Nhi.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 169/2021/TLST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2021, về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2022/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Lê Thị D, sinh năm 1953; HKTT: khu phố Đ, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1996; Địa chỉ liên lạc: đường số X, Trung tâm Hành Chính thành phố D, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 31/3/2021). Bà L có mặt.

**- Bị đơn:**

1. Ông Lê Văn N, sinh năm 1957; địa chỉ: khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; Có mặt.

2. Bà Lê Thị V, sinh năm 1958; địa chỉ: khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; Có mặt.

3. Bà Lê Thị D, sinh năm 1965; địa chỉ: đường Xóm G, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; Có mặt.

4. Ông Lê Tấn M, sinh năm 1983; địa chỉ: khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; Có mặt.

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông N, bà V, bà D, ông M:* Bà Đặng Thị H, sinh năm 1983; địa chỉ: đường E, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 16/6/2021). Bà H có mặt.

5. Bà Lê Thị L, sinh năm 1966; địa chỉ: đường Xóm G, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; Có mặt.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lê Tấn S, sinh năm 1985; địa chỉ: đường N, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; Vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Ông Lê Tấn P, sinh năm 1990; địa chỉ: đường L, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; Vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

*Người làm chứng:*

1. Ông Đậu Đức N, sinh năm 1992; địa chỉ: Đường N, khu phố Đ, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Bà Đoàn Thị Thu H, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện T, tỉnh Q. Vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

3. Ông Lâm Văn T, sinh năm 1945; Địa chỉ: đường N, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

4. Bà Trần Thị V, sinh năm 1947; địa chỉ: khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

5. Bà Huỳnh Ngọc T, sinh năm 1980; địa chỉ: đường ĐT743, khu phố Đ, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện nộp ngày 19 tháng 4 năm 2021, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà L trình bày:**

Nguyên đơn bà Lê Thị D có cha tên Lê Văn P, sinh năm 1925 mất năm 1967 (do đã lâu nên không có giấy chứng tử); mẹ tên Nguyễn Thị P, sinh năm 1932, mất 12/12/2020. Cha mẹ của ông P, bà P đều đã chết từ lâu. Ông P, bà P có 06 người con là:

1. Lê Thị D, sinh năm 1953;

2. Lê Văn N, sinh năm 1957;

3. Lê Thị V, sinh năm 1958;

4. Lê Văn H, sinh năm 1963, đã chết năm 1997, có vợ tên Hồ Thị M, sinh năm 1962; Ông H, bà M có 03 con là: Lê Tấn M, sinh năm 1983, Lê Tấn S, sinh năm 1985, Lê Tấn P, sinh năm 1990;

5. Lê Thị D, sinh năm 1965;

6. Lê Thị L, sinh năm 1966;

Ngoài ra ông P, bà P không có cha mẹ nuôi, con nuôi hay con riêng gì khác.

Sau khi bà Nguyễn Thị P chết thì để lại di sản là 01 căn nhà cấp 4, mái tole, nền gạch, tường gạch kiên cố và phần đất diện tích 87,8m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 186, tờ bản đồ số 2AB-3 tọa lạc tại khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 741721 do UBND huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương cấp ngày 25/9/2006.

Sau khi bà P chết thì thỉnh thoảng bà D có về quét dọn, bà D có nhà riêng nên không ở đây. Còn các con cháu khác có tới đó hay không thì nguyên đơn không biết.

Theo mảnh trích lục địa chính có đo đạc chỉnh lý do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương ký ngày 23/12/2021 thì diện tích theo đo đạc thực tế là 79,1m<sup>2</sup>. Diện tích đất giảm đi theo nguyên đơn là do mở rộng đường phía trước và phía sau từ đường đất thành đường nhựa nên nguyên đơn không có ý kiến gì về việc này.

Nguồn gốc nhà đất này là do bà D được tặng sau đó để cho mẹ là bà Nguyễn Thị P đứng tên. Cụ thể: Sau khi bố ruột của bà D là ông Nguyễn Văn P mất năm 1967, bà D được ông Lâm Văn C đến để nhận bà D làm con. Sau một thời gian thì ông C mất, tại đám tang của ông C, bà D được ông Lâm Văn M (em trai của ông C) dẫn đến để gặp bà D (tự nhận là bà nội của bà D). Tại đó, bà D cùng với các chú là ông Lâm Văn M, ông Lâm Văn B đã thống nhất tặng cho phần đất đang tranh chấp thừa kế (lúc này chỉ có đất, không có nhà) cho bà D theo nguyện vọng của ông C khi còn sống. Sau khi bà D được ông C cho đất, bà D tiến hành xây dựng căn nhà cấp 4 vào khoảng thời gian năm 1970, điều này có bà P và bà con làng xóm thời gian đó biết, chứng kiến.

Tuy nhiên, vì bà D đi lấy chồng phải làm ăn, không thể trông nom nhà cửa, đất đai và thời điểm đó mẹ bà D (là cụ P) còn sống nên bà D đã giao lại nhà đất cho bà P quản lý, sử dụng và để mẹ được đứng tên giấy tờ nhà đất. Do vậy, nay bà D xác định tài sản tranh chấp là di sản thừa kế do cụ Nguyễn Thị P để lại.

Về các bản di chúc mà bà P lập để định đoạt tài sản:

Năm 2003, bà P nhờ cháu Võ Kim O (con bà L) viết tay bản di chúc đầu tiên, sẽ giao lại toàn bộ nhà và đất lại cho bà D. Trong bản di chúc này, bà P cũng nêu rõ bà rất buồn khi các con của bà không ai quan tâm tới bà, chỉ có bà D lo lắng, chăm lo cho bà ăn uống, sức khỏe, thuốc men. Đồng thời, di chúc này còn thể hiện thái độ cương quyết của bà P sẽ không cho bà Lê Thị V vào nhà sau khi bà mất.

Ngày 06/7/2004, bà P tiếp tục lập bản di chúc thứ hai, vẫn thể hiện sẽ giao lại toàn bộ nhà, đất cho bà D quản lý sử dụng. Di chúc này bà P nhờ người đánh máy và có 2 người làm chứng hiện nay vẫn còn sống.

Tuy nhiên, sau đó bà P đã lập di chúc mới nên nguyên đơn không yêu cầu xem xét của bản di chúc trên.

Ngày 15/3/2007, bà P lập bản di chúc thứ ba được UBND thị trấn Dĩ An, huyện Dĩ An (nay là phường Dĩ An, thành phố Dĩ An), tỉnh Bình Dương chứng thực theo đó bà P để lại căn nhà cấp 4, mái tole, nền gạch, tường gạch kiên cố và phần đất diện tích 87,8 m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 186, tờ bản đồ số 2AB-3 toạ lạc tại khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 741721 do UBND huyện nay là thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương cấp ngày 25/9/2006 cho bà D. Bản di chúc này hợp lệ theo quy định pháp luật.

Ngày 22/5/2016, bà D có viết tay vào phía sau bản di chúc ngày 15/3/2007 huỷ bỏ không nhận di chúc vì thời điểm năm 2016 bà P đã ốm rất nặng nhưng các em của bà D không ai để ý, thăm nom mẹ. Bà D đã rất buồn nên sau khi nói chuyện với các em thì đã viết huỷ bỏ không thừa nhận di chúc vì để mong các em có thể nghĩ đến mẹ đã già mà quan tâm, thăm nom mẹ nhiều hơn. Thời điểm này Bộ Luật Dân sự 2005 quy định về việc từ chối nhận di sản là 06 tháng kể từ ngày mở thừa kế. Sau 06 tháng kể từ ngày mở thừa kế nếu không có từ chối nhận di sản thì được coi là đồng ý nhận di sản. Tuy nhiên, thời điểm năm 2016 này, bà P còn sống nên chưa phải thời điểm mở thừa kế. Đồng thời, việc bà D có viết huỷ bỏ không nhận di chúc vào ngày 22/5/2016 cũng chưa được chứng thực/công chứng nên việc bà D viết huỷ bỏ không nhận di chúc vào ngày 22/5/2016 là trái quy định của pháp luật. Do vậy, di chúc ngày 15/3/2007 là di chúc cuối cùng và duy nhất đúng theo quy định của pháp luật.

Đối với bản di chúc ngày 08/8/2018 được lập tại Văn phòng luật sư D, thời điểm này bà P sức khoẻ đã rất yếu, không thể đi lại được, không còn minh mẫn, do vậy việc bà P lập di chúc ngày 08/8/2018 tại Văn phòng luật sư D là không thể thực hiện được. Thời điểm này, bà P chỉ ở nhà, không thể đi lại được, sức khoẻ yếu. Ngoài ra, di chúc năm 2018 này không có hiệu lực theo pháp luật vì không đảm bảo các điều kiện về hình thức cũng như về nội dung theo quy định pháp luật, cụ thể:

Về hình thức: Như đã nêu trong đơn khởi kiện, bà P là người biết đọc biết viết tuy nhiên trong bản di chúc đã không ký tên mà điểm chỉ. Đối với di chúc bằng văn bản có người làm chứng, thì người làm chứng phải xác nhận chữ ký, điểm chỉ của người lập di chúc nhưng trong trường hợp này cả 02 người làm chứng đều không xác nhận dấu điểm chỉ trong di chúc của có đúng là của bà P. Di chúc có 3 trang nhưng tại trang thứ hai không có chữ ký hay lần tay của bà P. Ngoài ra, khi thực hiện việc lập di chúc ngày 08/8/2018, bà P đang trong tình trạng sức khoẻ không ổn định, không đi lại được, vậy nên đối với người cao tuổi khi xác lập di chúc thì cần có giấy khám sức khoẻ để chứng minh khi lập di chúc bà P còn minh mẫn, sáng suốt. Tuy nhiên, di chúc ngày 08/8/2018 không thực hiện việc khám sức khoẻ của bà P. Cũng không có giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của bà P. Vì vậy, di chúc ngày 08/8/2018 không hợp lệ về hình thức.

Về nội dung: Bà D là con gái đầu của bà P, khi còn sống bà D luôn là người thân cận chăm sóc, phụng dưỡng cho bà P. Theo như những lời khai ở Biên bản đối chất về nguồn gốc đất trên là của ông C tặng cho bà D. Từ trước đó bà P đã nhiều lần bằng lời nói và bằng văn bản muốn bà D là người kế nghiệp cũng như gìn giữ ngôi nhà sau khi bà P mất. Cụ thể, bà P đã lập rất nhiều di chúc để chỉ định bà D là người được quyền thừa kế duy nhất được nhận di sản là thửa đất tranh chấp bằng di chúc 2003, di chúc 2004, di chúc hợp pháp ngày 15/3/2007 số chứng thực số 07/2007, quyền số 01/CT-DC.TP/2007 được UBND thị trấn (nay là phường Dĩ An), huyện (nay là thành phố) Dĩ An, tỉnh Bình Dương là minh chứng cụ thể. Thời gian này bà P còn rất minh mẫn, tình trạng sức khỏe còn rất tốt, hoàn toàn làm chủ bản thân. Từ năm 2007 đến khi mất là quãng thời gian rất dài, bà P và bà D cùng chung sống với nhau, bà P không có ý định cũng như mong muốn giao lại ngôi nhà cho ai khác ngoài bà D. Nếu bà P có ý định không cho bà D hưởng di sản thừa kế thì đã thực hiện việc huỷ di chúc được lập vào ngày 15/3/2007 và lập một bản di chúc mới tại cơ quan nhà nước vì bà P đã hiểu rõ rằng di chúc muốn hợp lệ thì cần phải chứng thực tại cơ quan có thẩm quyền.

Từ những lý do trên, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

+ Tuyên tở di chúc của bà Nguyễn Thị P lập tại Văn phòng luật sư D vào ngày 08/8/2018 là vô hiệu.

+ Công nhận di chúc của bà Nguyễn Thị P được lập ngày 15/3/2007 số chứng thực: 07/2007, quyền số 07/CT-DC.TP/2007 được UBND thị trấn (nay là phường Dĩ An), huyện (nay là thành phố) Dĩ An, tỉnh Bình Dương và và phân chia thừa kế của bà Nguyễn Thị P, cụ thể là: Giao cho bà Lê Thị D quản lý, sử dụng, định đoạt di sản là căn nhà cấp 4, mái tole, nền gạch kiên cố và phần đất diện tích 87,8m<sup>2</sup> (diện tích theo đo đạc thực tế là 79,1 m<sup>2</sup>) tọa lạc tại khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn thống nhất với kết quả đo đạc theo mảnh trích lục địa chính có đo đạc chính lý do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương ký xác nhận ngày 23/12/2021 và kết quả định giá, không có ý kiến gì khác.

Về án phí và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật

Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

*\* Bị đơn ông N, bà V, bà D, ông M do bà Đặng Thị H là đại diện hợp pháp trình bày:*

Bị đơn thống nhất với trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống.

Nguyên đơn bà D xác định tài sản tranh chấp là di sản thừa kế do cụ Nguyễn Thị P để lại nên bị đơn thống nhất không có ý kiến gì khác. Tuy nhiên, về nguồn gốc nhà đất này thì bị đơn khẳng định do bà Nguyễn Thị P mua khoảng năm 1972 của gia đình bà D2, mua là đất trống sau đó bà P bán bỏ ra cất nhà ở đó. Lúc này bà D đã lấy chồng ở riêng không ở chung nhà với bà P.

Theo mảnh trích lục địa chính có đo đạc chỉnh lý do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương ký ngày 23/12/2021 thì diện tích theo đo đạc thực tế là 79,1m<sup>2</sup>. Diện tích đất giảm đi là do mở rộng đường phía trước và phía sau từ đường đất thành đường nhựa nên bị đơn không có ý kiến gì về việc này.

Bị đơn thống nhất với kết quả đo đạc theo mảnh trích lục địa chính có đo đạc chỉnh lý do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương ký xác nhận ngày 23/12/2021 và kết quả định giá, không có ý kiến gì khác.

Sau khi bà P chết thì nhà đất tranh chấp thừa kế dùng làm nơi thờ cúng; các bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ở gần nên thường xuyên lui tới thờ cúng, chăm nom, quét dọn.

Bị đơn không biết gì về các di chúc năm 2003, năm 2004 bà Nguyễn Thị P.

Đối với di chúc năm 2007 của bà Nguyễn Thị P đến khoảng năm 2015 gia đình mới biết. Lúc này bà P lớn tuổi, không ai chăm sóc nên gia đình mới dự định cầm nhà đất tranh chấp để lấy tiền lo cho bà P là công bằng nhất. Lúc này bà D đưa ra di chúc năm 2007. Các anh chị em thấy di chúc giao nhà đất cho bà D nên yêu cầu bà D có trách nhiệm chăm lo cho bà P. Bà D không đồng ý một mình lo cho bà P nên mới viết việc từ chối nhận nhận nhà đất để chia đều cho 6 anh chị em vào trang cuối của di chúc năm 2007, bà D ký tên lẫn tay, có sự chứng kiến của con bà D tên Thu và toàn bộ các anh chị em trong gia đình.

Toàn bộ nội dung là do bà D tự viết. Riêng nội dung: “Tôi: Lê Thị D được sự đồng ý của sáu anh chị em sẽ giữ sổ đỏ mang tên Lê Thị P” và “Tôi xin cam đoan những gì tôi nói là đúng sự thật.” là do Lê Tấn M viết. Sau đó đọc cho tất cả mọi người cùng nghe rồi bà D ký tên lẫn tay.

Do bà D đã từ chối nên di chúc này không còn giá trị.

Đối với tờ di chúc của bà Nguyễn Thị P được lập tại Văn phòng luật sư D vào ngày 08/8/2018: Tại phiên tòa bị đơn xác định do bà D đã từ chối di chúc năm 2007. Năm 2018, được sự đồng ý của bà P nên các anh chị em thống nhất đi lập lại tờ di chúc chia đều cho các anh chị em để tất cả có trách nhiệm chăm sóc bà P, không ai nói ngược nói xuôi. Ngày 08/8/2018 tại Văn phòng luật sư D có Lê Văn N, Lê Thị V, gia đình ông Lê Văn Hùng có Lê Tấn M đại diện; Lê Thị D, Lê Thị L, phía bà D nói bị té nên không đi được mà con là Huỳnh Ngọc T đi chứng kiến việc lập di chúc này. Việc lập di chúc được thực hiện như nội dung di chúc. Do anh chị em đồng thuận hết nên chỉ làm để đảm bảo trong anh chị em nên không công chứng hay chứng thực di chúc, cũng không khám sức khỏe cho bà P. Bà P khi này lớn tuổi nhưng vẫn minh mẫn, sáng suốt.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn ông N, bà V, bà D, ông M ý kiến như sau:

+ Không đồng ý Công nhận di chúc của bà Nguyễn Thị P được lập ngày 15/3/2007 số chứng thực: 07/2007, quyền số 07/CT-DC.TP/2007 được UBND

thị trấn (nay là phường Dĩ An), huyện (nay là thành phố) Dĩ An, tỉnh Bình Dương và và phân chia thừa kế của bà Nguyễn Thị P, cụ thể là: Giao cho bà Lê Thị D quản lý, sử dụng, định đoạt di sản là căn nhà cấp 4, mái tole, nền gạch kiên cố và phần đất diện tích 87,8m<sup>2</sup> (diện tích theo đo đạc thực tế là 79,1 m<sup>2</sup>) tọa lạc tại khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

+ Không đồng ý Tuyên từ di chúc của bà Nguyễn Thị P lập tại Văn phòng luật sư D vào ngày 08/8/2018 là vô hiệu.

Trường hợp Tòa án xác định di chúc ngày 08/8/2018 không có hiệu lực pháp luật thì đề nghị chia thừa kế theo pháp luật vì sau khi có tranh chấp thì các bị đơn cũng mong muốn chia đều di sản của cụ P cho tất cả các anh chị em. Bị đơn bà Lê Thị V yêu cầu được chia bằng hiện vật và đồng ý thanh toán lại giá trị kỷ phần thừa kế cho các anh chị em.

Về án phí và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

*\* Bị đơn bà L trình bày:* Bà L thống nhất với toàn bộ ý kiến, trình bày và yêu cầu của các bị đơn ông N, bà V, bà D, ông M do bà H đại diện trình bày. Ngoài ra, bà L không có ý kiến hay yêu cầu gì khác

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Tấn S vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:*

Ông S thống nhất với toàn bộ ý kiến, trình bày và yêu cầu của các bị đơn ông N, bà V, bà D, ông M.

Cha ông S tên Lê Văn H, sinh năm 1963, đã chết từ năm 1997, mẹ tên Hồ Thị M, sinh năm 1962; cha mẹ ông Sơn có 03 con là: Lê Tấn M, sinh năm 1983, Lê Tấn S, sinh năm 1985, Lê Tấn P, sinh năm 1990;

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông S không đồng ý. Ông S đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, nếu ông Sơn được chia thừa kế thì đồng ý nhận.

Ngoài ra, ông S không có ý kiến hay yêu cầu gì khác

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Tấn P vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:*

Ông P thống nhất với toàn bộ ý kiến, trình bày và yêu cầu của các bị đơn ông N, bà V, bà D, ông M.

Cha ông P tên Lê Văn H, sinh năm 1963, đã chết từ năm 1997, mẹ tên Hồ Thị M, sinh năm 1962; cha mẹ ông P có 03 con là: Lê Tấn M, sinh năm 1983, Lê Tấn S, sinh năm 1985, Lê Tấn P, sinh năm 1990;

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông P không đồng ý. Ông P đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, nếu được chia thừa kế thì đồng ý nhận.

Ngoài ra, không có ý kiến hay yêu cầu gì khác

*\* Người làm chứng ông Đậu Đức N trình bày:*

Hiện nay ông N đang làm việc tại Văn phòng luật sư D. Đối với việc lập Di chúc của bà Nguyễn Thị P lập tại Văn phòng luật sư D vào ngày 08/8/2018, do đã lâu nên ông N không nhớ bối cảnh, cũng như chi tiết buổi làm chứng. Tuy nhiên sau khi xem lại bản di chúc thì ông N xác nhận nội dung cam đoan của người làm chứng (ông Đậu Đức N) theo di chúc là đúng.

Ngoài ra, ông N không trình bày gì thêm và xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

*\* Người làm chứng bà Đoàn Thị Thu H trình bày:*

Bà H có làm chứng cho bản Di chúc của bà Nguyễn Thị P lập tại Văn phòng luật sư D vào ngày 08/8/2018. Tuy nhiên, do đã lâu nên không nhớ cụ thể về ngữ cảnh và chi tiết diễn biến. Sau khi xem lại bản di chúc thì bà H xác nhận chữ ký của người làm chứng 02 trong bản di chúc là của bà H.

Ngoài ra, bà H không trình bày gì thêm và xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

*\* Người làm chứng ông Lâm Văn T trình bày:*

Bà D là con ruột của anh thứ năm của ông T là Lâm Văn C và bà P (không rõ họ tên), hai người này chỉ quen nhau rồi có con tên D, không sống chung với nhau, bà D sống cùng mẹ là bà P.

Ông Lê Thành N, bà Lê Thị V, bà Lê Thị D, ông Lê Tấn M, bà Lê Thị L thì ông T nghe nói là người nhà của bà D.

Anh thứ năm của ông T là Lâm Văn C đã chết từ lâu (từ khi chưa giải phóng) nên ông T không nhớ rõ năm. Sau khi ông C chết thì má ông T tên Phạm Thị D cho bà D miếng đất nằm ở khu xóm ga (cạnh đất của anh sáu ông T (tên Lâm Văn B), hiện ông B đã chết và đã bán phần đất này từ lâu cho người khác). Cho diện tích bao nhiêu thì ông T không không rõ, cho không làm giấy tờ gì, khi cho là đất trống. Việc cho đất này ông Tiến nghe mẹ nói lại chứ không trực tiếp chứng kiến và ông T cũng không quan tâm đến việc này. Khi bà Phạm Thị D cho bà D đất thì các anh em ông T biết và không có ý kiến gì, hiện nay các anh chị em ông T đều đã chết. Khoảng năm 1986 má ông T tên Phạm Thị D đã chết.

Sau khi được bà Phạm Thị D cho đất một thời gian sau bà D gom góp xây nhà ở, một thời gian sau ông T thấy có mẹ bà D đến ở trong ngôi nhà này. Sau đó việc quản lý sử dụng làm giấy tờ nhà đất của bà D như thế nào thì tôi không biết.

Ngoài ra, ông T không trình bày gì thêm.

*\* Người làm chứng bà Trần Thị V trình bày:*

Trước đây gia đình bà V có sống gần nhà đất các đương sự đang tranh chấp thừa kế đến khoảng năm 1980 thì gia đình bà V chuyển đến nơi ở hiện nay.

Do sống gần nhà đất tranh chấp thì bà V thấy bà D có đến xây dựng nhà đất nay tranh chấp. Do là bà con chòm xóm thì bà V có cho bà D nước uống, bà



V có hỏi thăm thì được bà D cho biết là đất do bà nội bà D cho để cất nhà. Thời gian cất nhà là sau giải phóng, do đã lâu bà V không nhớ rõ thời gian.

Bà nội của bà D lúc đó ở gần miếu; bà nội của bà D tên gì thì bà V không nhớ. Khi cất nhà thì bà V chỉ thấy có mình bà D tới làm. Sau khi cất nhà xong một thời gian thì bà V mới thấy mẹ bà D và các anh chị em tới ở. Việc cho đất cất nhà thì bà V chỉ nghe bà D nói lại chứ cụ thể thế nào thì bà V không biết.

Ngoài ra, bà V không trình bày gì thêm và xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

*\* Người làm chứng bà Huỳnh Ngọc T trình bày:*

Bà Lê Thị D là mẹ ruột của bà T; ông Lê Văn N, bà Lê Thị V, bà Lê Thị D, bà Lê Thị L là các dì ruột, cậu ruột của bà T. Ông Lê Tấn M, Lê Tấn S, Lê Tấn P là con cậu ruột Lê Văn H (đã mất)

Ngày 08/8/2018, các dì, cậu kêu đi làm lại di chúc của bà ngoại (Nguyễn Thị P). Do lúc này má bà T tên Lê Thị D bị té không đi lại được nên kêu bà T đi cùng các dì, các cậu.

Sáng ngày 08/8/2018, bà T cùng mọi người đến UBND phường Dĩ An (tất cả đứng bên ngoài, lúc này có Lê Tấn M vào hỏi làm thủ tục hủy bỏ di chúc cũ lập lại di chúc mới), thì được cán bộ UBND phường yêu cầu phải có giấy khám sức khỏe của bà P thì mới làm được. Nhưng lúc này bà P lớn tuổi không đi làm được giấy khám sức khỏe. Sau đó, tất cả đến Văn phòng công chứng Trần Thanh Vũ (tất cả đứng bên ngoài, lúc này có Lê Tấn M vào hỏi làm thủ tục hủy bỏ di chúc cũ lập lại di chúc mới), thì được cán bộ Văn phòng công chứng Trần Thanh Vũ cũng yêu cầu phải có giấy khám sức khỏe của bà P. Do đó, sáng 08/8/2018, không làm được thủ tục hủy di chúc cũ lập di chúc mới. Sau đó tất cả mọi người về nhà.

Buổi chiều ngày 08/8/2018, thì có Dì Tư (Lê Thị V) gọi bà T ra nhà bà ngoại kêu có Luật sư đến làm giấy tờ. Khi bà T ra tới nơi thì mọi việc đã làm xong hết, bà T thấy có một nam luật sư có nói chuyện vài câu rồi ra về. Sau khi Luật sư về rồi thì bà T có phụ tiền đưa Dì Tư để trả phí cho luật sư.

Quá trình cụ thể việc lập di chúc ngày 08/8/2018 thế nào bà T không biết, vì ra trễ mọi việc xong hết rồi. Sau đó, các dì các cậu có phô tô đưa cho bà T bản di chúc để đưa lại cho má bà T nhưng đưa lúc nào thì bà T không nhớ rõ.

Ngoài ra, bà T không trình bày gì thêm và xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

*Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng, đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung về thủ tục tố tụng.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Quan hệ pháp luật của vụ án là: “Tranh chấp về thừa kế tài sản”. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa cho thấy:

+ Đối với Di chúc lập ngày 15/3/2007 của bà Nguyễn Thị P được UBND thị trấn (nay là phường Dĩ An), huyện (nay là thành phố) Dĩ An, tỉnh Bình Dương chứng thực số: 07/2007, quyển số 07/CT-DC.TP/2007 là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, người thừa kế bà Lê Thị D đã từ chối nhận di sản theo di chúc này.

+ Đối với Di chúc được lập ngày 08/8/2018 của bà Nguyễn Thị P tại Văn phòng luật sư D: Di chúc này có 3 trang nhưng trang thứ hai không có chữ ký hay lần tay của người lập di chúc, thời điểm lập Di chúc ngày 08/8/2018 bà Nguyễn Thị P đã 86 tuổi nhưng không có giấy tờ xác nhận tình trạng sức khỏe của bà P. Lời khai của các bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa về bối cảnh lập di chúc có nhiều mâu thuẫn nhau nhưng nó vẫn thể hiện di chúc này không phải do bà P đi lập mà do các con cháu đi nhờ luật sư lập. Do đó, di chúc này không đảm bảo về giá trị pháp lý nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc tuyên di chúc này vô hiệu.

Như vậy, yêu cầu của nguyên đơn về việc chia thừa kế theo di chúc lập ngày 15/3/2007 của bà Nguyễn Thị P là không có căn cứ chấp nhận; yêu cầu của nguyên đơn về việc tuyên Di chúc được lập ngày 08/8/2018 của bà Nguyễn Thị P tại Văn phòng luật sư D vô hiệu là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị P theo quy định của pháp luật cho những người thừa kế ký phần thừa kế được hưởng giá trị là 468.369.666 đồng. Bị đơn bà Lê Thị V yêu cầu được chia bằng hiện vật và đồng ý thanh toán lại giá trị ký phần thừa kế cho các anh chị em là phù hợp nên đề nghị chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Lê Thị D khởi kiện các bị đơn ông Lê Văn N, bà Lê Thị V, bà Lê Thị D, ông Lê Tấn M, bà Lê Thị L tất cả có địa chỉ thường trú tại phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị P là nhà gắn liền đất có diện tích 79,1 m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 186, tờ bản đồ 2AB.3 tọa lạc tại khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Do đó, đây là vụ án dân sự tranh chấp về thừa kế tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An tỉnh Bình Dương theo quy định tại Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[1.2] Tại phiên tòa sơ thẩm, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Tấn S, ông Lê Tấn P, nhưng đã có lời khai, văn bản ý kiến và có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vắng mặt người làm chứng ông Đậu Đức N, bà

Đoàn Thị Thu H, bà Trần Thị V, bà Huỳnh Ngọc T nhưng đã có lời khai, văn bản ý kiến và có yêu cầu giải quyết vắng mặt; người làm chứng ông Lâm Văn T vắng mặt nhưng đã có lời khai đầy đủ.

Xét thấy việc vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Tấn S, ông Lê Tấn P; việc vắng mặt của người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228, 229 Bộ luật Tố tụng dân sự tiếp tục tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về thời điểm mở thừa kế:

Ngày 12/12/2020, bà Nguyễn Thị P chết, căn cứ theo đăng ký khai tử số 194 ngày 18/12/2020 tại Ủy ban nhân dân phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 611 Bộ luật dân sự 2015 thì thời điểm mở thừa kế là ngày 12/12/2020.

[2.2] Về di sản thừa kế:

Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 26/11/2021, thể hiện phần đất tranh chấp có diện tích 79,1 m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 186, tờ bản đồ 2AB.3 toạ lạc tại khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Về tài sản trên đất 01 nhà ở riêng lẻ loại 01 tầng: Nền gạch men, tường gạch xây tô sơn nước, khung cột gạch, cửa sắt kéo, cửa sắt, cửa kính khung sắt, trần nhựa mái tôn, diện tích 49,1m<sup>2</sup>; 01 nhà tạm kết cấu: nền gạch bông + gạch men + khung cột gạch tường xây tô, lửng phía trước + lưới B40, trần xốp, cửa sắt, diện tích 30m<sup>2</sup>.

Theo kết quả định giá ngày 03/3/2022 thì phần diện tích đất 79,1m<sup>2</sup> có giá trị 2.768.500.000 đồng; 01 nhà ở riêng lẻ loại 01 tầng giá trị 33.879.000 đồng; 01 nhà tạm giá trị 5.850.000 đồng; 01 đồng hồ điện kế chính giá trị 1.755.000 đồng; 01 đồng hồ nước máy trị giá 234.000 đồng. Tổng giá trị 2.810.218.000 đồng.

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD741721 do UBND huyện nay là thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương cấp ngày 25/9/2006 cho bà Nguyễn Thị P thì diện tích đất 87,8m<sup>2</sup> theo kết quả đo đạc thực tế là 79,1m<sup>2</sup>, các đương sự đều thống nhất lý do giảm diện tích là do mở rộng đường phía trước và phía sau đất từ đường đất thành đường nhựa. Các đương sự đều thống nhất với kết quả đo đạc theo mảnh trích lục địa chính có đo đạc chính lý do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương ký xác nhận ngày 23/12/2021 và kết quả định giá, không có ý kiến gì khác.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thống nhất đây là di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị P. Ngoài ra, các đương sự xác định bà P không để lại di sản nào khác.

[2.3] Về các bản di chúc:

Đối với bản di chúc lập năm 2003 và 2004 của bà P nguyên đơn xác định sau khi lập các di chúc trên thì bà P đã lập di chúc mới nên nguyên đơn không yêu cầu xem xét các bản di chúc trên.

Do các đương sự không yêu cầu xem xét, đồng thời Khoản 3 Điều 640 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: “3. *Trường hợp người lập di chúc thay thế di chúc bằng di chúc mới thì di chúc trước bị huỷ bỏ...*”. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét bản di chúc lập năm 2003 và 2004 của bà P mà chỉ xem xét giải quyết 02 bản di chúc lập năm 2007 và 2018 của bà Nguyễn Thị P:

\* Xét, Di chúc của bà Nguyễn Thị P được lập ngày 15/3/2007: Ngày 15/3/2007, bà Nguyễn Thị P lập di chúc được UBND thị trấn (nay là phường Dĩ An), huyện (nay là thành phố) Dĩ An, tỉnh Bình Dương chứng thực số 07/2007, quyền số 01/CT-DC.TP/2007 ngày 15/3/2007. Nguyên đơn cung cấp được bản sao Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 16/3/2007 của bà Nguyễn Thị P. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy di chúc là phù hợp về hình thức và nội dung theo quy định tại các Điều 649, 652, 653, 658 Bộ luật Dân sự 2005.

Ngày 22/5/2016, bà D viết nội dung từ chối vào di chúc, cụ thể:

*“Tôi Lê Thị D, sinh năm 1983*

*Mà tôi tên Nguyễn Thị P, sinh năm 1932 có để cho tôi di chúc một cái nhà số 11/5 khu phố T, Dĩ An Bình Dương.*

*Hôm nay ngày 22 – 5 – 2016 tôi xin hủy bỏ không thừa nhận di chúc này. Để sáu anh chị em thừa hưởng.”*

Toàn bộ nội dung là do bà D tự viết.

Riêng nội dung: “*Tôi: Lê Thị D được sự đồng ý của sáu anh chị em sẽ giữ sổ đỏ mang tên Lê Thị P*” và “*Tôi xin cam đoan những gì tôi nói là đúng sự thật.*” là do ông Lê Tấn M viết. Sau đó đọc cho tất cả mọi người cùng nghe rồi bà D ký tên lăn tay, các anh chị em cũng ký tên.

Điểm b Khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015 quy định:

*1. Đối với giao dịch dân sự được xác lập trước ngày Bộ luật này có hiệu lực thì việc áp dụng pháp luật được quy định như sau:*

*b) Giao dịch dân sự chưa được thực hiện hoặc đang được thực hiện mà có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật này thì áp dụng quy định của Bộ luật này;*

Như vậy, thời điểm Bộ luật Dân sự 2015 có hiệu lực pháp luật (01/01/2017) việc từ chối của bà D đang được thực hiện có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự 2015 nên áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự 2015 để xem xét giải quyết.

Điều 620 Bộ luật Dân sự 2015 quy định việc từ chối nhận di sản như sau:

*“1. Người thừa kế có quyền từ chối nhận di sản, trừ trường hợp việc từ chối nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ tài sản của mình đối với người khác.*

*2. Việc từ chối nhận di sản phải được lập thành văn bản và gửi đến người quản lý di sản, những người thừa kế khác, người được giao nhiệm vụ phân chia di sản để biết.*

3. Việc từ chối nhận di sản phải được thể hiện trước thời điểm phân chia di sản”.

Việc bà D từ chối nhận di sản thừa kế theo di chúc ngày 15/3/2007 của bà Nguyễn Thị P là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 620 Bộ luật Dân sự 2015 nên có giá trị thực hiện.

\* Xét Di chúc của bà Nguyễn Thị P lập tại Văn phòng luật sư D vào ngày 08/8/2018.

Khoản 3 Điều 631 Bộ luật Dân sự 2015 quy định về nội dung của di chúc như sau:

*“3. Di chúc không được viết tắt hoặc viết bằng ký hiệu, nếu di chúc gồm nhiều trang thì mỗi trang phải được ghi số thứ tự và có chữ ký hoặc điểm chỉ của người lập di chúc.”...*

Hội đồng xét xử nhận thấy, di chúc này có 03 trang, tuy nhiên tại trang 02 không có chữ ký hoặc điểm chỉ của người lập di chúc bà Nguyễn Thị P. Như vậy, di chúc ngày 08/8/2018 được lập có nội dung không phù hợp quy định tại Khoản 3 Điều 631 Bộ luật Dân sự 2015.

Điều 634 Bộ luật Dân sự 2015 quy định về di chúc bằng văn bản có người làm chứng như sau:

*“Trường hợp người lập di chúc không tự mình viết bản di chúc thì có thể tự mình đánh máy hoặc nhờ người khác viết hoặc đánh máy bản di chúc, nhưng phải có ít nhất là hai người làm chứng. Người lập di chúc phải ký hoặc điểm chỉ vào bản di chúc trước mặt những người làm chứng; **những người làm chứng xác nhận chữ ký, điểm chỉ của người lập di chúc và ký vào bản di chúc.***

*Việc lập di chúc bằng văn bản có người làm chứng phải tuân theo quy định tại Điều 631 và Điều 632 của Bộ luật này.”*

Hội đồng xét xử nhận thấy, Di chúc ngày 08/8/2018 có người làm chứng là ông Đậu Đức N và bà Đoàn Thị Thu H nhưng trong phần cam đoan của người làm chứng không có nội dung xác nhận chữ ký, điểm chỉ của người lập di chúc bà Nguyễn Thị P. Như vậy, Di chúc ngày 08/8/2018 có người làm chứng nhưng xác nhận của người làm chứng không đúng quy định tại Điều 634 Bộ luật Dân sự 2015.

Bên cạnh đó, thời điểm lập Di chúc ngày 08/8/2018 bà Nguyễn Thị P đã 86 tuổi nhưng không có giấy tờ xác nhận tình trạng sức khỏe của bà P. Địa điểm lập di chúc theo như di chúc thể hiện là tại Văn phòng luật sư D; địa chỉ: Đường N, khu phố Đ, phường D, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương nhưng theo trình bày của các bị đơn, người làm chứng thì Di chúc lập tại nhà bà P địa chỉ: khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Lời khai của các bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thể hiện di chúc này không phải do bà P đi lập mà do các con, cháu đi lập. Đồng thời, trình bày của các bị đơn về bối cảnh lập di chúc trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa có nhiều mâu thuẫn nhau.

Từ những phân tích trên cho thấy, Di chúc của bà Nguyễn Thị P lập tại Văn phòng luật sư D vào ngày 08/8/2018 được lập có nội dung không đúng quy định tại Khoản 3 Điều 631 Bộ luật Dân sự 2015; xác nhận của người làm chứng không đúng quy định tại Điều 634 Bộ luật Dân sự 2015. Di chúc không phải bà P đi lập mà do các con, cháu đi lập rồi bà P điểm chỉ do đó không đảm bảo giá trị pháp lý nên căn cứ Điều a, b khoản 1 Điều 117 Bộ luật Dân sự 2015 thì Di chúc của bà Nguyễn Thị P lập tại Văn phòng luật sư D vào ngày 08/8/2018 là vô hiệu.

[2.4] Về việc chia thừa kế:

Bà Nguyễn Thị P có lập hai di chúc tuy nhiên di chúc ngày 15/3/2007 người được hưởng thừa kế từ chối nhận di sản; di chúc ngày 08/8/2018 không có hiệu lực nên Tòa án chia thừa kế theo pháp luật.

Về hàng thừa kế: Các đương sự đều thống nhất bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1932 mất 12/12/2020 có chồng là Lê Văn P, sinh năm 1925 mất năm 1967 (do đã lâu nên không có giấy chứng tử). Cha mẹ của ông P, bà P đều đã chết từ lâu. Ông P, bà P có 06 người con là:

1. Lê Thị D, sinh năm 1953;
2. Lê Văn N, sinh năm 1957;
3. Lê Thị V, sinh năm 1958;
4. Lê Văn H, sinh năm 1963, đã chết năm 1997, có vợ tên Hồ Thị M, sinh năm 1962; Ông H, bà M có 03 con là: Lê Tấn M, sinh năm 1983, Lê Tấn S, sinh năm 1985, Lê Tấn P, sinh năm 1990;
5. Lê Thị D, sinh năm 1965;
6. Lê Thị L, sinh năm 1966;

Ngoài ra ông P, bà P không có cha mẹ nuôi, con nuôi hay con riêng gì nào khác.

Như vậy, theo quy định tại Điều a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì hàng thừa kế thừa nhất của bà P gồm: Lê Thị D, Lê Văn N, Lê Thị V, Lê Thị D, Lê Thị L và Lê Văn H. Ông Lê Văn H đã chết năm 1997 nên theo quy định tại Điều 652 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì các con là: Lê Tấn M, Lê Tấn S, Lê Tấn P được hưởng thừa kế thế vị.

[2.5] Về thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại: Các đương sự đều thống nhất bà Nguyễn Thị P không có nghĩa vụ tài sản và không có các khoản chi phí liên quan đến thừa kế nên Hội đồng xét xử xét không xem xét giải quyết.

[2.6] Tổng giá trị di sản bà P để lại là 2.810.218.000 đồng chia cho 06 đồng thừa kế, tương đương 468.369.666 đồng/ký phần. Ông Lê Tấn M, Lê Tấn S, Lê Tấn P được hưởng thừa kế thế vị ký phần của ông Lê Văn Hùng 468.369.666 đồng (tương đương mỗi người được hưởng giá trị 156.123.222 đồng)

Do mỗi kỷ phần được nhận của Lê Thị D, Lê Văn N, Lê Thị V, Lê Thị D, Lê Thị L và Lê Văn H không đảm bảo cho tất cả được nhận kỷ phần được chia bằng hiện vật nên Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết giao cho một người thừa kế bằng hiện vật và có trách nhiệm thanh toán giá trị kỷ phần cho các thừa kế còn lại.

Tất cả đương sự đều có nhà ở ổn định. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà V yêu cầu nhận hiện vật và đồng ý thanh toán lại giá trị cho các thừa kế còn lại. Do đó giao cho bà V toàn bộ hiện vật nhà đất thừa kế, bà V có trách nhiệm thanh toán giá trị kỷ phần cho các thừa kế còn lại.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Chi phí tố tụng: Tổng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá, thu thập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 4.111.864 đồng.

Do Tòa án chia thừa kế nên mỗi người được chia tài sản phải chịu chi phí tố tụng theo tỷ lệ tài sản được chia là:  $4.111.864 \text{ đồng} : 6 = 685.311 \text{ đồng}$ .

Do nguyên đơn đã nộp tạm ứng toàn bộ nên bị đơn ông Lê Văn N, Lê Thị V, Lê Thị D, Lê Thị L mỗi người phải đóng 685.311 đồng; Ông Lê Tấn M, Lê Tấn S, Lê Tấn P (hưởng thừa kế thế vị của ông H) phải liên đới đóng 685.311 đồng để hoàn trả cho nguyên đơn.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản họ được chia.

Bà Lê Thị D, ông Lê Văn N, bà Lê Thị V đã trên 60 tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được Tòa án miễn nộp án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 5, 26, 35, 39, 144, 147, 157, 227, 228, 229, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Điều 166, 167, 170 Luật đất đai năm 2013;

Điểm a, b khoản 1 Điều 117; Điều 609, 611, 612; 620; Khoản 3 Điều 631; Điều 634; Khoản 3 Điều 640; Điểm a khoản 1 Điều 651; 652; Điểm b Khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015;

Điều 649, 652, 653, 658 Bộ luật Dân sự 2005.

Khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc Tuyên tở di chúc của bà Nguyễn Thị P lập tại Văn phòng luật sư D ngày 08/8/2018 là vô hiệu.

2. Không Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc Công nhận tờ di chúc của bà Nguyễn Thị P lập ngày 15/3/2007 số chứng thực: 07/2007, quyển số 07/CT-DC.TP/2007 được UBND thị trấn (nay là phường Dĩ An), huyện (nay là thành phố) Dĩ An, tỉnh Bình Dương và Giao cho bà Lê Thị D quản lý, sử dụng, định đoạt di sản là căn nhà cấp 4, mái tole, nền gạch kiên cố và phần đất diện tích 87,8m<sup>2</sup> (diện tích theo đo đạc thực tế là 79,1 m<sup>2</sup>) tọa lạc tại khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

3. Phân chia thừa kế theo pháp luật di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị P:

Xác định những người hưởng di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị P là: Bà Lê Thị D, ông Lê Văn N, bà Lê Thị V, bà Lê Thị D, bà Lê Thị L và ông Lê Văn H (do ông Lê Tấn M, ông Lê Tấn S, ông Lê Tấn P hưởng thừa kế thế vị).

Buộc bà Lê Thị D, ông Lê Văn N, bà Lê Thị V, bà Lê Thị D, bà Lê Thị L, ông Lê Tấn M, ông Lê Tấn S, ông Lê Tấn P giao cho bà Lê Thị V được quyền quản lý sử dụng quyền sử dụng đất có diện tích 79,1 m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 186, tờ bản đồ 2AB.3 tọa lạc tại khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương và tài sản gắn liền đất 01 nhà ở riêng lẻ loại 01 tầng: Nền gạch men, tường gạch xây tô sơn nước, khung cột gạch, cửa sắt kéo, cửa sắt, cửa kính khung sắt, trần nhựa mái tôn, diện tích 49,1m<sup>2</sup>; 01 nhà tạm kết cấu: nền gạch bông + gạch men + khung cột gạch tường xây tô, lửng phía trước + lưới B40, trần xốp, cửa sắt, diện tích 30m<sup>2</sup>.

(Có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Bà Lê Thị V có trách nhiệm thanh toán cho bà Lê Thị D giá trị một kỷ phần thừa kế được hưởng là 468.369.666 đồng (bốn trăm sáu mươi tám triệu ba trăm sáu mươi chín ngàn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Bà Lê Thị V có trách nhiệm thanh toán cho ông Lê Văn N giá trị một kỷ phần thừa kế được hưởng là 468.369.666 đồng (bốn trăm sáu mươi tám triệu ba trăm sáu mươi chín ngàn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Bà Lê Thị V có trách nhiệm thanh toán cho bà Lê Thị D giá trị một kỷ phần thừa kế được hưởng là 468.369.666 đồng (bốn trăm sáu mươi tám triệu ba trăm sáu mươi chín ngàn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Bà Lê Thị V có trách nhiệm thanh toán cho bà Lê Thị L giá trị một kỷ phần thừa kế được hưởng là 468.369.666 đồng (bốn trăm sáu mươi tám triệu ba trăm sáu mươi chín ngàn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Bà Lê Thị V có trách nhiệm thanh toán ông Lê Tấn M, ông Lê Tấn S, ông Lê Tấn P giá trị một kỷ phần được hưởng thừa kế thế vị của ông Lê Văn H là 468.369.666 đồng (bốn trăm sáu mươi tám triệu ba trăm sáu mươi chín ngàn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi



hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản:

Bà Lê Thị D, ông Lê Văn N, bà Lê Thị V, bà Lê Thị D, bà Lê Thị L, ông Lê Văn H

(do ông Lê Tấn M, Lê Tấn S, Lê Tấn P hưởng thừa kế thế vị) mỗi người phải đóng 685.311 đồng (sáu trăm tám mươi lăm ngàn ba trăm mười một đồng);

Do nguyên đơn đã nộp tạm ứng toàn bộ nên:

- Ông Lê Văn N, bà Lê Thị V, bà Lê Thị D, bà Lê Thị L mỗi người phải đóng 685.311 đồng (sáu trăm tám mươi lăm ngàn ba trăm mười một đồng) để hoàn trả cho nguyên đơn.

- Ông Lê Tấn M, Lê Tấn S, Lê Tấn P liên đới đóng 685.311 đồng (sáu trăm tám mươi lăm ngàn ba trăm mười một đồng) để hoàn trả cho nguyên đơn.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị D, ông Lê Văn N, bà Lê Thị V được miễn nộp án phí.

Bà Lê Thị D, bà Lê Thị L mỗi người phải nộp 22.734.787 đồng (hai mươi hai triệu bảy trăm ba mươi tư ngàn bảy trăm tám mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê Tấn M, Lê Tấn S, Lê Tấn P liên đới phải nộp 22.734.787 đồng (hai mươi hai triệu bảy trăm ba mươi tư ngàn bảy trăm tám mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Sơn, ông Phát vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- CCTHADS thành phố Dĩ An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trần Hải Nam**

